

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Tấn Nghị

2. Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên Toà: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Lê Văn M, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Lê Nguyễn Tố N, sinh năm 2004 ; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Q với ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 18/9/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông M thường xuyên say xỉn về đập phá nhà cửa, có hành vi bạo lực, không có trách nhiệm với gia đình. Bà Q đã tha thứ nhiều lần nhưng ông M không thay đổi. Nay bà Q không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02/3/1999, Lê Nguyễn Tố N, sinh năm 17/4/2004 và Lê Nguyễn Khánh N1, sinh năm 05/11/2007. Nay các con đã trưởng thành nên bà Q không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Văn M đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

- Việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về hôn nhân nguyên đơn Nguyễn Thị Q được ly hôn với bị đơn Lê Văn M; về con chung: 03 con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu gì nên không xét; về tài sản: không yêu cầu nên không xét; về án phí: nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn có hộ khẩu tại xã T, tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk theo quy định các Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Q với bị đơn Lê Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (*nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk*) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/1997 vào ngày 18/9/1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, bị đơn không có trách nhiệm; Sự việc nêu trên có xác nhận của trưởng thôn Phước Mỹ T, xã T và lời khai của người làm chứng. Ông M đã được Tòa án triệu tập họp lệ, biết việc bà Q xin ly hôn tại Tòa án nhưng cố tình bỏ mặc, không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02/3/1999, Lê Nguyễn Tổ N, sinh năm 17/4/2004 và Lê Nguyễn Khánh N1, sinh năm 05/11/2007. Xét, các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản: Không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Q được ly hôn với bị đơn Lê Văn M.

2. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001627 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền

